

Lời Tòa soạn: Những năm gần đây, hoạt động bảo hộ, sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ (TSTT) đối với đặc sản địa phương đã được khởi xướng mạnh mẽ trên toàn quốc, góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung.

Thừa Thiên Huế là một trong nhiều địa phương có nhiều đặc sản nổi tiếng không chỉ trong nước mà cả trên thế giới, trong đó đặc biệt là các đặc sản về ẩm thực và nông sản. Tuy nhiên, việc xây dựng, tạo lập, quản lý và phát triển thương hiệu các đặc sản mang tính đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế như các sản phẩm nông sản đặc sản, sản phẩm ngành nghề truyền thống... vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế và đề xuất các giải pháp khắc phục.

Mong rằng bài viết về nội dung này của TS. Hồ Thắng, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ có ý nghĩa tham khảo hữu ích với các tỉnh thành phố trong cả nước, Tạp chí Nông thôn Mới trân trọng giới thiệu tới bạn đọc.

4 giải pháp phát triển tài sản trí tuệ gắn với “đặc sản địa phương”

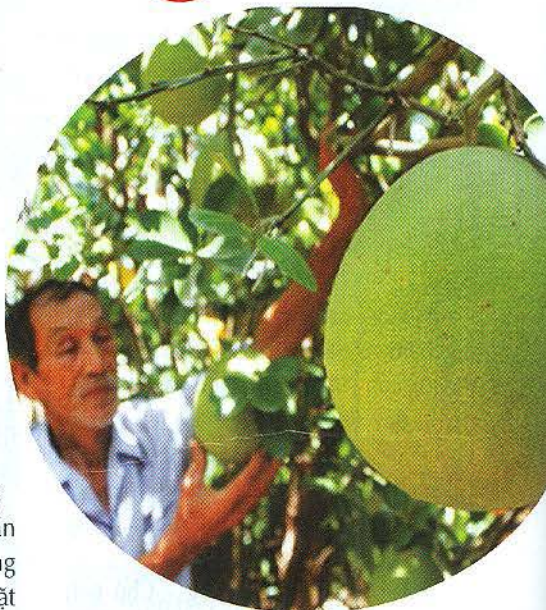
I TS. **HỒ THẮNG** - Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thừa Thiên Huế I

Thực trạng còn ngổn ngang

TSTT là yếu tố để thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, bảo đảm môi trường đầu tư, môi trường cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh và chuyển giao các TSTT. Bảo hộ và phát triển TSTT là tạo công cụ pháp lý đặc lực nhằm bảo vệ và nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa. Nhiều tỉnh, thành phố của nước ta thời gian qua đã đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu cho các đặc sản của địa phương dưới hình thức xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý. Để xây dựng thương hiệu cho đặc sản, các tỉnh, thành phố đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ thông qua Chương trình hỗ trợ phát triển TSTT của Trung ương, đồng thời xây dựng các chương trình riêng của địa phương để đẩy nhanh hoạt động này. Do

vậy, nhiều đặc sản địa phương như cà phê Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), bưởi Đoan Hùng (Phú Thọ), bưởi Da Xanh (Bến Tre), vú sữa Lò Rèn - Vĩnh Kim (Tiền Giang), thanh long Bình Thuận (Bình Thuận), gạo Tám xoan Hải Hậu (Nam Định), chè Shan Tuyết (Sơn La), vải thiều Thanh Hà (Hải Dương), hoặc thanh trà, tôm chua (Thừa Thiên Huế) v.v. đã được người tiêu dùng biết đến rộng rãi, dần khẳng định được chất lượng, danh tiếng của sản phẩm và đang trở thành các mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

Đến nay, Thừa Thiên Huế có 11 đặc sản được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xếp vào 14 TOP đặc sản nổi tiếng Việt Nam. Bún bò Huế là một trong 12 món ăn Việt Nam đạt “Giá trị Ẩm thực châu Á” do Tổ chức Kỷ lục châu Á công nhận và xác lập. Các địa phương trong tỉnh Thừa Thiên



Thanh trà ăn ngon nhất là vào giữa tháng 7.

Huế cũng đang tích cực hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho đặc sản của từng địa phương mình. Tuy nhiên, việc áp dụng cơ chế, chính sách về phát triển TSTT cho các đặc sản địa phương còn nhiều

lúng túng, các thương hiệu khi xây dựng chỉ dừng lại ở mức độ xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể hoặc chỉ dẫn địa lý, chưa có các giải pháp đồng bộ tổ chức theo hướng như: Quy hoạch sản xuất, quy hoạch vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng, quảng bá phát triển thương hiệu một cách bền vững để tăng khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và xuất khẩu. Trong khi, nhiều sản phẩm vẫn chưa có thương hiệu, các cơ sở sản xuất thiếu sự quan tâm đến việc cải tiến mẫu mã nhãn hiệu hàng hóa, nên sản phẩm chưa tiếp cận được với người tiêu dùng, làm hạn chế khả năng phát triển quy mô sản xuất cũng như tiếp cận thị trường trong và ngoài nước.

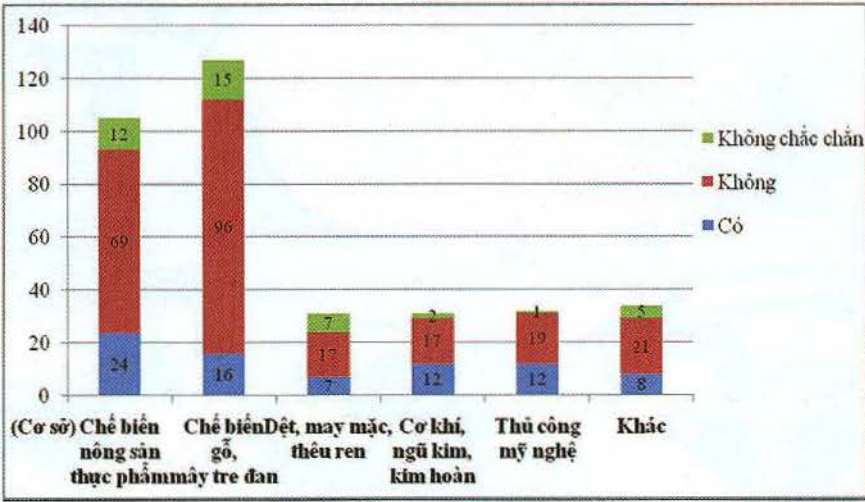
Để thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành nhiều chính sách về khoa học công nghệ trong đó có những nội dung về phát triển TSTT và đã ưu tiên đến nhóm các đặc sản địa phương nhằm hình thành các thương hiệu đặc sản của tỉnh. Đặc biệt là Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 06-9-2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Chiến lược phát triển thương hiệu các đặc sản tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và Chương trình 57/CT-UBND về phát triển thị trường đặc sản Huế giai đoạn 2016-2020.

Qua 4 năm triển khai, tỉnh Thừa Thiên Huế đã đạt được một số kết quả tích cực, thể hiện trên các mặt như:

Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về SHTT đã được triển khai, duy trì thường xuyên, liên tục và có chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần tạo chuyển biến nhận thức về SHTT của cán bộ các cấp, các ngành và toàn xã hội, mà đặc biệt là TSTT đối với các đặc sản địa phương.

Về hoạt động quản lý và tư vấn hỗ trợ hướng dẫn tra cứu và cung cấp thông tin phục vụ phát triển TSTT, Sở Khoa học và Công nghệ đã thường xuyên hướng dẫn để các tổ chức, cá nhân có thể tự tra cứu thông tin phục vụ kiểm tra trong quá trình chế biến, bị nộp đơn đăng ký bảo hộ. Hằng năm có khoảng 150 lượt tổ chức, cá nhân được hướng dẫn thủ tục, tra cứu, cung cấp thông tin về SHTT phục vụ cho việc nộp đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp từ các hoạt động này. Số lượng đơn đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp trên địa bàn qua các

Biểu đồ: Số lượng cơ sở có nhu cầu mua sắm thiết bị và công nghệ mới



(Nguồn: Luận án tiến sỹ Hồ Thắng, năm 2016)

Bảng: Doanh thu tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn theo các hình thức bán của các cơ sở điều tra

Hình thức bán	Chế biến nông sản thực phẩm	Chế biến gỗ, mây tre đan	Dệt, may mặc, thêu ren	Cơ khí, ngũ kim, kim hoàn	Thủ công mỹ nghệ	Khác	BQC
Doanh thu tiêu thụ (1000đ)	38.612,28	40.662,61	95.569,89	57.826,87	93.271,88	80.608,94	54.719,85
Tỷ lệ doanh thu (%)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Bán lẻ tại nhà	28,08	21,67	48,06	25,97	23,13	47,94	28,79
Bán sỉ cho thu gom tại địa phương	28,95	17,07	3,23	9,03	7,19	7,21	16,84
Bán sỉ cho thu gom ngoài địa phương	16,48	24,61	2,58	15,32	14,06	19,12	18,08
Gửi bán tại các đại lý	7,14	2,76	0,65	13,39	2,81	4,41	4,93
Bán tại chợ địa phương	13,50	5,98	8,71	11,29	4,06	4,12	8,52
Xuất khẩu trực tiếp	0,29	0,24	3,23	0,16	0,00	0,00	0,46
Đặt hàng, giao tận nơi	4,90	21,06	21,61	20,81	45,62	15,74	18,06
Khác	0,66	6,61	11,93	4,03	3,13	1,46	4,32

(Nguồn: Luận án tiến sỹ Hồ Thắng bảo vệ năm 2016)

năm đã được tăng lên đáng kể. Đến nay, Thừa Thiên Huế đã có 1.146 đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp và Cục SHTT đã cấp 781 văn bản bảo hộ. Giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 2016 có 425 đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp được nộp và đã có 226 văn bản bảo hộ được cấp. Năm 2016 có 147 đơn đã nộp so với 67 đơn của năm 2013 (tăng 2,2 lần).

Về ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển thị trường của các sản phẩm ngành nghề nông thôn, từ kết quả điều tra 360 cơ sở sản xuất trong năm 2016 cho thấy trình độ áp dụng khoa học công nghệ cũng như việc áp dụng các giải pháp để phát triển thị trường trong các cơ sở sản xuất các sản phẩm ngành nghề

nông thôn còn nhiều hạn chế.

Về trình độ kỹ thuật và công nghệ, các cơ sở ngành nghề nông thôn Thừa Thiên Huế chưa mạnh dạn đầu tư trang thiết bị và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, vẫn còn nhiều cơ sở chưa đầu tư nhà xưởng, chủ yếu là sản xuất tại chỗ, trong gia đình; thiếu máy móc hỗ trợ, chủ yếu làm bằng tay hoặc bằng các công cụ đơn giản. Trong khi đó, các cơ sở được khảo sát không có kế hoạch mua sắm thiết bị kỹ thuật hoặc ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng sản phẩm rất cao, đạt từ 54% trở lên ở tất cả các nhóm ngành. Có đến 85% số cơ sở điều tra không đăng ký nhãn mác, thương hiệu sản phẩm, trong đó cao nhất là ở nhóm ngành thủ công mỹ



Việc hỗ trợ đăng ký xác lập quyền SHTT các đặc sản của tỉnh Thừa Thiên Huế đạt được nhiều hiệu quả tích cực, đã đăng ký bảo hộ 16 nhãn hiệu trí tuệ và 3 nhãn hiệu chứng nhận, thực hiện 10 dự án hỗ trợ các hoạt động xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý triển khai trên địa bàn cho các đặc sản, sản phẩm nông nghiệp, như: Tôm chua Huế, thanh trà Huế, nón lá Huế, đúc đồng Huế, mè xừng Huế, vải dèng A Lưới.

nghe 93,8%. Điều này ảnh hưởng đến khả năng sản xuất hàng hóa, và mức độ cạnh tranh của sản phẩm trong cơ chế thị trường. (Xem biểu đồ)

Về phát triển thị trường các sản phẩm ngành nghề nông thôn, kết quả khảo sát cho thấy, doanh thu bình quân của cửa các cơ sở ngành nghề nông thôn đạt gần 54 triệu đồng/tháng. Hầu hết các nhóm ngành giá trị xuất khẩu rất thấp, chỉ có hình thức tiêu thụ qua hợp đồng đặt hàng giao tận nơi mua. Tỷ lệ tiêu thụ thông qua hình thức bán lẻ tại nhà được áp dụng phổ biến nhất, bình quân 28,8%. Bên cạnh đó, đặt hàng - giao hàng tận nơi cũng là hình thức bán khá đều đặn, bình quân 18,1%. Trong khi đó sản phẩm phục vụ bán tại các đại lý siêu thị chiếm tỷ lệ thấp, chưa đến 5%, điều này đã ảnh hưởng đến sự phát triển của các sản phẩm ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh. (Xem bảng)

Như vậy, tuy hoạt động sản xuất đã gắn với quá trình sản xuất hàng hóa, một số ngành nghề đã có doanh số tiêu thụ và tìm được thị trường để mở rộng quy

mô nhưng nhiều cơ sở chưa chủ động ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển sản xuất, nhiều sản phẩm chưa đăng ký nhãn mác hàng hóa, chưa quan tâm đến tạo lập xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm. Việc liên kết các cơ sở để phát triển quy mô cũng như phát huy lợi thế của liên doanh liên kết trong tiếp cận thị trường vẫn còn nhiều hạn chế.

Thực trạng trên đã đặt ra cho công tác quản lý nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn Thừa Thiên Huế, đó là cần tăng cường các giải pháp thúc đẩy phát triển sản phẩm đặc sản, ngành nghề nông thôn.

Với những nhu cầu thực tiễn và phân ảnh từ phía các cơ sở sản xuất cho thấy, Nhà nước cần quan tâm đến việc hỗ trợ các nội dung sau: Tạo ra nguồn lao động chuyên môn hóa, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hỗ trợ huy động nguồn vốn, hỗ trợ nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ (ứng dụng công nghệ mới, khuyến khích sáng tạo, xây dựng, tạo lập và phát triển thương hiệu...). Để từ đó, các cơ sở sản

xuất cần thực hiện các giải pháp: Sản xuất hàng hóa quy mô lớn; tìm được thị trường ổn định; phát triển các loại hình tổ chức sản xuất hiệu quả; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có thương hiệu. Điều này cần có sự thay đổi mạnh mẽ trong việc hoàn thiện cơ chế chính sách đặc thù riêng cho các sản phẩm đặc sản và ngành nghề ngành nghề nông thôn Thừa Thiên Huế.

Vẫn còn hạn chế

Tuy nhiên, nhận thức của cộng đồng về SHTT còn hạn chế. Các doanh nghiệp chưa thực sự xem và sử dụng TSTT như là một công cụ đắc lực để phát triển. Một

số ngành, địa phương chưa quan tâm tạo điều kiện để nâng cao kiến thức về SHTT ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh, tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp.

Hoạt động tạo lập, bảo hộ và phát triển quyền SHTT trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tuy có sự chuyển biến nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của phát triển và hội nhập. Nhiều sản phẩm, dịch vụ của tỉnh chưa được bảo hộ sở hữu công nghiệp, chưa có bao bì nhãn mác, dẫn đến việc quảng bá, phát triển thị trường và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm còn hạn chế.

Công tác đăng ký, phát triển TSTT tuy đã được triển khai nhưng chưa đáp ứng nhu cầu. Một số chính sách để hỗ trợ đăng ký quyền SHTT được lồng ghép vào các chương trình khác nên việc hỗ trợ chưa trọng tâm. Việc áp dụng cơ chế, chính sách còn lúng túng, thiếu chính sách cụ thể, đột phá nên khi triển khai gặp nhiều khó khăn. Hầu hết các thương hiệu khi xây dựng chỉ dừng lại ở mức độ xác lập quyền mà chưa có các giải pháp đồng bộ như quy hoạch vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng, quảng bá phát triển thương hiệu bền vững...

Tính chủ động của doanh nghiệp trong xây dựng và phát triển thương hiệu còn hạn chế. Đa số các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động sản xuất các đặc sản trên địa bàn Thừa Thiên Huế có quy mô sản xuất nhỏ, lẻ, manh mún nên việc tập hợp để xây dựng thương hiệu rất khó khăn; trong khi tính liên kết hợp tác giữa nhà sản xuất và doanh nghiệp còn yếu.

Và giải pháp

Thứ nhất, tăng cường thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển TSTT. Tăng cường hiệu quả các hoạt động quản lý, thực thi quyền SHTT và hợp tác về SHTT. Tổ chức các hoạt động khảo sát; hội thảo, diễn đàn đối thoại, tập huấn, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm quản lý, phát triển TSTT đối với các đặc sản và sản phẩm làng nghề với các địa phương trong và ngoài tỉnh... Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí cho các hoạt động này.

Thứ hai, hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT, cụ thể: Hỗ trợ tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải



Món bún bò Huế được rất nhiều thực khách ưa thích.

pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và giống cây trồng mới. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản trên địa bàn. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý ra nước ngoài cũng như triển khai các dự án xây dựng, quản lý và phát triển chúng đối với các đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương. Đề xuất các dự án do trung ương quản lý thuộc Chương trình phát triển TSTT ở Trung ương. Hỗ trợ xây dựng quy hoạch vùng sản xuất, bảo tồn các loại đặc sản, vùng sản xuất nguyên liệu cho các đặc sản trên địa bàn.

Hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển TSTT, cụ thể: Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho các TSTT như hội chợ, triển lãm, phiên chợ giới thiệu các đặc sản. Hỗ trợ xây dựng trang web giới thiệu và quảng bá đặc sản hoặc đưa nội dung giới thiệu và quảng bá đặc sản vào trang web của tổ chức quản lý... Hỗ trợ xây dựng không gian sáng tạo phát triển mẫu mã thương hiệu cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ... Hỗ trợ xây dựng trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán các đặc sản ở hai đầu cửa ngõ Nam, Bắc và ở thành phố Huế.

Hỗ trợ ứng dụng các TSTT, thành quả sáng tạo cá nhân được hình thành từ thực tiễn như: Hỗ trợ áp dụng sáng chế, GPHI nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các đặc sản trên địa bàn; Hỗ trợ áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, bảo quản nông sản, đặc sản. Xây dựng quy chuẩn chất lượng địa phương gắn với phát triển thương hiệu các đặc sản. Hỗ trợ phục hồi, phục tráng, chọn lọc các giống cây trồng, vật nuôi các đặc sản.

Thứ ba, về cơ chế, chính sách, đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí theo định mức để khuyến khích thực hiện các nhiệm vụ, dự kiến một số định mức sau:

- Tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: hỗ trợ 30-50 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

- Tạo lập và đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: hỗ trợ 10-20 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

- Tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: hỗ trợ 10-20 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

- Tạo lập và đăng ký bảo hộ giống



Làng nón Phú Cam xứ Huế.

cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Hỗ trợ 15-30 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

- Tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của đặc sản địa phương ra nước ngoài: Hỗ trợ 40-60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp tại các nước ASEAN và 60-80 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp tại các nước khác.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các dự án sau:

- Dự án tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản trên địa bàn (tổng kinh phí hỗ trợ không quá 100 triệu đồng cho 1 dự án).

- Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản trên địa bàn (tổng kinh phí hỗ trợ không quá 350 triệu đồng cho 1 dự án).

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện các dự án xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề (tổng kinh phí hỗ trợ không quá 1.200 triệu đồng cho 1 dự án).

Ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 30% đến 50% kinh phí (tùy theo dự án) để thực hiện các nội dung sau:

- Áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích; ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và sáng kiến nhằm phát triển sản phẩm và nâng cao giá trị,

chất lượng, khả năng cạnh tranh các đặc sản trên địa bàn (tổng kinh phí hỗ trợ không quá 350-500 triệu đồng cho 1 dự án).

- Quảng bá và xúc tiến thương mại cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn.

Thứ tư, huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình. Đề nghị ưu tiên nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua Chương trình phát triển TSTT giai đoạn 2016-2020, và nguồn ngân sách địa phương, lồng ghép các nguồn vốn ngân sách như: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh; nguồn xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, khuyến công, xây dựng nông thôn mới, dự án nâng suất chất lượng và sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện.

Lồng ghép nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển TSTT; Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước; Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước thông qua việc liên doanh liên kết, kêu gọi các doanh nghiệp thương mại lớn, các nhà đầu tư phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm để phát triển thương hiệu và thị trường cho sản phẩm hàng hóa trên địa bàn Thừa Thiên Huế.

Nhiều năm qua, Việt Nam đã rất

tích cực, chủ động tham gia đàm phán và thực hiện các cam kết quốc tế, trong đó SHTT là một trong những nội dung được đặc biệt quan tâm và chú trọng. Đây là cơ hội lớn để các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng, phân phối ở phạm vi khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra sức ép và thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng trong việc bảo đảm các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về SHTT và sự cạnh tranh khốc liệt đến từ các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế khổng lồ và nhiều kinh nghiệm về khai thác, quản trị, phát triển thương hiệu.

Hàng năm, một lượng lớn các TSTT được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu của các trường đại học, viện nghiên cứu, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và thực tiễn đời sống, dẫn đến nhu cầu tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển TSTT là rất lớn và không ngừng gia tăng. Vì vậy, việc xây dựng và triển khai Chương trình phát triển TSTT gắn với chiến lược phát triển thương hiệu đặc sản và sản phẩm ngành nghề nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế là rất cần thiết, góp phần không nhỏ thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế. □